

Số: 74/2025/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2014/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 quy định về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Xét Tờ trình số 3777/TTr-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2025, Báo cáo số 528/BC-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 231/BC-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao.
- Các đơn vị sự nghiệp công lập.
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước.

Chương II

PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Mục 1

MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC PHÂN CẤP

Điều 3. Mục tiêu

1. Khai thác tối đa các khoản thu ngân sách; gắn quyền hạn và trách nhiệm của các cấp chính quyền trong công tác quản lý và khai thác nguồn thu ngân sách.
2. Tạo thế chủ động cho các cấp chính quyền địa phương, nhất là chính quyền cấp xã khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp gắn với nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác quản lý và điều hành ngân sách; làm tiền đề để xây dựng cho giai đoạn tiếp theo.

Điều 4. Nguyên tắc phân cấp

1. Phù hợp với phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong các lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, trình độ quản lý của chính quyền địa phương cấp xã; bảo đảm công bằng, phát triển cân đối giữa các địa phương.
2. Ngân sách mỗi cấp chính quyền địa phương được phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể trên cơ sở kế thừa, phát huy những kết quả đã đạt được của thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025.
3. Đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách cấp tỉnh trong hệ thống ngân sách chính quyền địa phương.

Mục 2

PHÂN CẤP NGUỒN THU, TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 5. Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh

1. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%
 - a) Thuế tài nguyên thu từ các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn các xã, phường (trừ đặc khu Vân Đồn, đặc khu Cô Tô).
 - b) Tiền sử dụng đất các dự án đầu tư của các tổ chức do cấp tỉnh phê duyệt giá cụ thể và giao đất (trừ đặc khu Vân Đồn, đặc khu Cô Tô).
 - c) Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước trả tiền một lần cho cả thời gian thuê (trừ đặc khu Vân Đồn, đặc khu Cô Tô).
 - d) Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, vùng trời, vùng biển đối với Giấy phép do cơ quan Trung ương cấp phép phân ngân sách địa

phương được hưởng theo quy định của pháp luật (trừ đặc khu Vân Đồn, đặc khu Cô Tô).

đ) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán.

e) Phí do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và doanh nghiệp nhà nước địa phương thực hiện thu, nộp.

g) Phí, lệ phí do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện thu, nộp (trừ lệ phí môn bài; lệ phí trước bạ; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thu qua hóa đơn sử dụng nước do Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh thu, nộp vào ngân sách nhà nước; phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản phát sinh trên địa bàn đặc khu Vân Đồn, đặc khu Cô Tô).

h) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu.

i) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc cấp tỉnh quản lý (mã chương ngân sách cấp tỉnh).

k) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

l) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp tỉnh.

m) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu (mã chương ngân sách cấp tỉnh).

n) Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp tỉnh.

o) Thu từ quỹ dự trữ tài chính.

p) Thu từ kết dư ngân sách cấp tỉnh.

q) Các khoản thu khác của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh được hưởng 100% phần thu ngân sách địa phương được hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương:

- a) Thuế giá trị gia tăng, trừ các trường hợp sau:
 - Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nước của cá nhân, hộ kinh doanh được quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết này;
 - Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nước của tổ chức phát sinh trên địa bàn đặc khu Vân Đồn, đặc khu Cô Tô.
- b) Thuế thu nhập doanh nghiệp, trừ các trường hợp sau: Thu từ phát sinh trên địa bàn đặc khu Vân Đồn, đặc khu Cô Tô;
- c) Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ các trường hợp sau:
 - Thu từ hoạt động sản xuất trong nước của cá nhân, hộ kinh doanh được quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết này;
 - Thu phát sinh trên địa bàn đặc khu Vân Đồn, đặc khu Cô Tô;
- d) Thuế thu nhập cá nhân, trừ các trường hợp sau:
 - Thu từ hoạt động xây dựng vĩnh lai, chuyển nhượng đất đai, cho thuê tài sản, quà tặng, thừa kế, hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân được quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết này;
 - Thu phát sinh trên địa bàn đặc khu Vân Đồn, đặc khu Cô Tô.

đ) Thuế bảo vệ môi trường (trừ thuế bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu).

3. Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương và thu từ các khoản hoàn trả cho ngân sách cấp tỉnh từ ngân sách cấp xã.

4. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp tỉnh từ năm trước sang.

Điều 6. Nguồn thu ngân sách cấp xã

1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%:

- a) Thuế sử dụng đất nông nghiệp.
- b) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.
- c) Tiền sử dụng đất:
 - Tiền sử dụng đất (trừ tiền sử dụng đất các dự án đầu tư của các tổ chức do cấp tỉnh phê duyệt giá cụ thể và giao đất, tiền sử dụng đất của các dự án tái định cư); gồm: Tiền sử dụng đất xen kẹp khu dân cư; đất dôi dư được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tiền chuyển mục đích sử dụng đất; tiền sử dụng đất sau khi được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất; tiền sử dụng đất của các dự án đầu tư của cá nhân do cấp xã phê duyệt giá và giao đất;
 - Tiền sử dụng đất của các dự án tái định cư trên địa bàn các đặc khu: Vân Đồn, Cô Tô;
 - Tiền sử dụng đất các dự án đầu tư của các tổ chức do cấp tỉnh phê duyệt giá cụ thể và giao đất trên địa bàn đặc khu Cô Tô.
- d) Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước:
 - Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước hàng năm;

- Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước trả một lần cho cả thời gian thuê trên địa bàn đặc khu Cô Tô.

đ) Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, vùng trời, vùng biển do các cơ quan tỉnh Quảng Ninh cấp phép.

e) Lệ phí môn bài.

g) Lệ phí trước bạ.

h) Phí do các cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc cấp xã thu, nộp ngân sách nhà nước phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thu qua hóa đơn sử dụng nước do Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

i) Lệ phí do các cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc cấp xã thu, nộp ngân sách nhà nước (trừ lệ phí môn bài, lệ phí trước bạ tại điểm e, g nêu trên).

k) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập và các đơn vị, tổ chức khác thuộc cấp xã quản lý (mã chương ngân sách cấp xã).

l) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã xử lý.

m) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.

n) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp xã.

o) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước xã quyết định (chương ngân sách cấp xã);

p) Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp xã.

q) Thu kết dư ngân sách cấp xã.

r) Các khoản thu khác ngân sách cấp xã được hưởng 100% theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu ngân sách cấp xã được hưởng 100% phần thu ngân sách địa phương được hưởng theo tỷ lệ phần trăm phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương:

a) Thuế giá trị gia tăng của cá nhân, hộ kinh doanh.

b) Thuế tiêu thụ đặc biệt của cá nhân, hộ kinh doanh.

c) Thuế thu nhập cá nhân phát sinh từ hoạt động xây dựng vĩnh viễn, chuyển nhượng đất đai, cho thuê tài sản, quà tặng, thừa kế, hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân.

3. Thu bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên.

4. Thu chuyển nguồn ngân sách từ ngân sách cấp xã năm trước sang ngân sách cấp xã năm sau.

Điều 7. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã đối với phần thu ngân sách địa phương được hưởng, gồm:

- a) Tiền sử dụng đất các dự án đầu tư của các tổ chức do cấp tỉnh phê duyệt giá cụ thể trên địa bàn đặc khu Vân Đồn: Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách đặc khu 50%.
- b) Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước trả tiền một lần cho cả thời gian thuê trên địa bàn đặc khu Vân Đồn: Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách đặc khu 50%.
- c) Tiền sử dụng đất các dự án tái định cư: Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách cấp xã 50% (trừ đặc khu Vân Đồn và đặc khu Cô Tô).

Mục 3

PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 8. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác theo quy định của pháp luật về đầu tư công:

- Các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác theo quy định của pháp luật về đầu tư công do cấp tỉnh quản lý theo phân cấp quản lý, ngành lĩnh vực trên địa bàn tỉnh;

- Đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư (dự án PPP) theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, bồi thường, chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước thời hạn được cấp có thẩm quyền quyết định, chi trả phần giảm doanh thu các dự án PPP thuộc trách nhiệm của Nhà nước, thanh toán theo hợp đồng dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (dự án BT) bằng tiền;

- Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quyết định của Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ; bố trí vốn thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng chính sách xã hội theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ngoài hàng rào đến khu công nghiệp, các khu chức năng trong khu kinh tế, cụm công nghiệp; hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội;

- Đầu tư phát triển khu công nghệ cao;

- Nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh;

- Các dự án đầu tư, xây dựng, nâng cấp, mở rộng hạ tầng giao thông; cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp đô thị, khắc phục ngập lụt và xử lý ô nhiễm môi trường; nâng cấp các thiết chế văn hoá thực hiện theo chủ trương, chỉ đạo của tỉnh;

- Các dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên;
- Các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo quy định;
- Các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác phải bảo đảm trong khả năng cân đối ngân sách cấp mình và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp mình.

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được phân cấp trong các lĩnh vực:

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề gồm:

- Các cơ sở giáo dục có cấp học trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên và giáo dục khác do cấp tỉnh quản lý;
- Giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác;

b) Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số.

c) Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội phân giao cấp tỉnh quản lý.

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

- Chi đảm bảo hoạt động phòng bệnh, chữa bệnh, trạm y tế cấp xã;
- Hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho học sinh, sinh viên;
- Chi hoạt động dân số, gia đình và các hoạt động y tế khác.

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin: Chi đảm bảo hoạt động bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động văn hóa, thông tin.

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình.

g) Sự nghiệp thể dục thể thao: Chi đảm bảo hoạt động bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác.

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường: Chi đảm bảo hoạt động quan trắc; xây dựng các kế hoạch, đề án về môi trường tỉnh; đánh giá và xử lý các điểm ô nhiễm môi trường do hóa chất tồn lưu trên địa bàn tỉnh; các hoạt động, nhiệm vụ về môi trường trên phạm vi liên xã, liên tỉnh.

i) Các hoạt động kinh tế:

- Sự nghiệp giao thông: Chi đảm bảo hoạt động quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh; Chi các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp tỉnh quản lý;

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: Chi đảm bảo hoạt động duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi theo phân cấp; đặt hàng khai thác các công trình thủy lợi; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản do cấp tỉnh quản lý;

- Nhiệm vụ chi về tài nguyên: Chi đảm bảo hoạt động điều tra cơ bản; đo đạc lập bản đồ địa giới hành chính; kế hoạch sử dụng đất tỉnh; kiểm kê; lập dữ liệu quản lý đất đai và các hoạt động sự nghiệp tài nguyên khác thuộc cấp tỉnh quản lý;

- Chi lập, thẩm định, phê duyệt, công bố các quy hoạch theo phân cấp quản lý;

- Chi các hoạt động thương mại, du lịch theo phân cấp, cấp tỉnh quản lý;

- Các sự nghiệp kinh tế theo phân cấp, cấp tỉnh quản lý.

k) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

l) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội do cấp tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật, được phân cấp quản lý.

m) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền địa phương vay.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh.

6. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã và chi nộp ngân sách Trung ương.

Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển: Các nhiệm vụ, dự án đầu tư do cấp xã quản lý theo phân cấp quản lý ngành, lĩnh vực trên địa bàn (trừ một số nhiệm vụ chi tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị quyết này).

2. Chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị ở xã, phường, đặc khu được phân cấp trong các lĩnh vực:

a) Sự nghiệp giáo dục, đào tạo:

- Giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trường dân tộc nội trú, bán trú, trường phổ thông liên cấp không có cấp học trung học phổ thông và các cơ sở giáo dục khác do cấp xã quản lý;

- Dạy nghề, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và đào tạo bồi dưỡng khác do cấp xã quản lý;

- Chi hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng cấp xã; tổ chức các lớp học văn hóa “xóa mù chữ”, lớp học tập tại cộng đồng;

- Chi hoạt động của trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp xã;

- Chi thực hiện chế độ, chính sách được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

b) Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số.

c) Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội phần giao cấp xã quản lý theo phân cấp.

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

- Chi hoạt động của đơn vị sự nghiệp công thuộc lĩnh vực y tế phần giao cấp xã quản lý theo phân cấp;

- Chi hỗ trợ bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách địa phương hỗ trợ đóng (trừ đối tượng là học sinh, sinh viên được bố trí dự toán tại ngân sách cấp tỉnh) và các chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế theo phân cấp quản lý đối tượng;

- Chi hoạt động, công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm ;

- Chi hoạt động cho công tác phòng, chống dịch bệnh và các hoạt động y tế khác thuộc nhiệm vụ của cấp xã.

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục, thể thao: Chi đảm bảo hoạt động nhà truyền thống, thư viện, nhà văn hóa, sân vận động, đội thông tin lưu động và các hoạt động văn hóa, thể thao do cấp xã tổ chức.

e) Sự nghiệp phát thanh: Chi đảm bảo hoạt động truyền thanh cấp xã.

g) Sự nghiệp bảo vệ môi trường: Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt; xử lý khắc phục ô nhiễm môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, môi trường.

h) Các hoạt động kinh tế:

- Sự nghiệp giao thông: Chi đảm bảo hoạt động quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng kỹ thuật (đường đô thị, đường xã, đường thôn; cảng, bến thủy nội địa) trong địa giới hành chính thuộc phạm vi quản lý của cấp xã;

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: Chi đảm bảo hoạt động sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các cơ sở nông nghiệp, ngư nghiệp được phân cấp quản lý; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản; phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thuộc phạm vi quản lý của cấp xã.

- Nhiệm vụ chi về tài nguyên: Chi đảm bảo hoạt động điều tra cơ bản; đo đạc lập bản đồ địa giới hành chính; xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã; kiểm kê; lập dữ liệu quản lý đất đai; tư vấn, xác định giá đất và các hoạt động sự nghiệp địa chính thuộc phạm vi quản lý của cấp xã theo phân cấp;

- Chi lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, đánh giá, điều chỉnh các quy hoạch theo phân cấp;

- Sự nghiệp thị chính (đô thị): Chi đảm bảo hoạt động sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng (bao gồm mua sắm), duy trì hoạt động của hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, công viên, cây xanh và các sự nghiệp thị chính khác thuộc phạm vi quản lý của cấp xã theo phân cấp;

- Chi hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã và các hoạt động sự nghiệp kinh tế khác theo phân cấp.

i) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, các thôn, bản, khu phố. Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

k) Chi bảo đảm xã hội, chi thực hiện các chính sách xã hội do cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật được phân cấp quản lý.

l) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã.

4. Chi nộp ngân sách cấp trên theo quy định.

Chương III

NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Mục 1

NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ PHÂN BỐ DỰ TOÁN

Điều 10. Nguyên tắc

1. Việc xây dựng hệ thống định mức phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 kế thừa những kết quả đạt được của hệ thống định mức giai đoạn 2022 - 2025; sửa đổi, bổ sung định mức, các tiêu chí bổ sung phù hợp với thực tiễn triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp; đồng thời đảm bảo tính đặc thù đối với các xã, phường, đặc khu; phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

2. Xây dựng tiêu chí phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, kiểm tra và giám sát; bảo đảm công bằng, công khai và minh bạch.

Điều 11. Tiêu chí phân loại đơn vị hành chính cấp xã và yếu tố đặc thù

1. Phân loại đơn vị hành chính cấp xã theo các yếu tố đặc thù về dân số (số dân cư trú trên địa bàn theo quy định của Luật Cư trú):

a) Nhóm 1 dân số: Có dân số từ 5 vạn dân trở lên, gồm các phường: Mạo Khê, Uông Bí, Việt Hưng, Hồng Gai, Hạ Long, Cẩm Phả, Quang Hanh, Cửa Ông và đặc khu Vân Đồn.

b) Nhóm 2 dân số: Có dân số từ 3 vạn dân đến dưới 5 vạn dân, gồm các xã, phường: Đông Triều, Hoàng Quế, Vàng Danh, Yên Tử, Quảng Yên, Hiệp Hòa, Liên Hòa, Bãi Cháy, Cao Xanh, Hà Lâm, Hà Tu, Quảng Hà, Móng Cái 1, Móng Cái 2.

c) Nhóm 3 dân số: Có dân số dưới 3 vạn dân, gồm các xã, phường, đặc khu còn lại.

2. Phân loại đơn vị hành chính cấp xã theo các yếu tố đặc thù về diện tích tự nhiên (đất liền).

a) Nhóm 1 diện tích: Có diện tích tự nhiên trên 440 km²: đặc khu Vân Đồn.

b) Nhóm 2 diện tích: Có diện tích tự nhiên từ 220 km² đến 440km², gồm các xã: Hoành Bồ, Thống Nhất, Ba Chẽ, Kỳ Thượng, Lương Minh, Điền Xá, Bình Liêu, Đường Hoa.

c) Nhóm 3 diện tích: Có diện tích tự nhiên dưới 220 km², gồm các xã, phường, đặc khu còn lại.

3. Phân loại các xã, phường biên giới đất liền và xã đảo:

a) Các xã, phường, đặc khu biên giới đất liền: Lục Hồn, Hoành Mô, Bình Liêu, Hải Sơn, Quảng Đức, Đường Hoa, Móng Cái 1, Móng Cái 2, Móng Cái 3.

b) Các xã, phường khu vực biên giới biển: Xã đất liền ven biển, đặc khu Cô Tô và đặc khu Vân Đồn.

c) Các xã đảo: Vĩnh Thực, Cái Chiên.

Mục 2

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

Điều 12. Định mức phân bổ dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã để đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng hạ tầng giao thông, thoát nước, chỉnh trang đô thị, khu dân cư hiện hữu; chỉnh trang, đầu tư, nâng cấp các thiết chế văn hóa.

ĐVT: triệu đồng/xã, phường, đặc khu

Tiêu chí	Định mức phân bổ
1. Xã	30.000
2. Phường	50.000
3. Đặc khu Vân Đồn	100.000
4. Đặc khu Cô Tô	40.000

Mục 3

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

Điều 13. Định mức phân bổ cho cơ quan quản lý hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể cấp tỉnh

1. Định mức phân bổ kinh phí hoạt động theo tiêu chí biên chế (chưa bao gồm lương, phụ cấp và các khoản đóng góp):

ĐVT: triệu đồng/người/năm

Tiêu chí	Cơ quan Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Các tổ chức chính trị xã hội	Cơ quan quản lý nhà nước, các hội hoạt động theo Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2022
Từ trên 50 biên chế	118	97	76
Từ 31 đến 50 biên chế	122	100	79
Từ 30 biên chế trở xuống	132	109	85

2. Định mức phân bổ trên chưa bao gồm:

- Kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản, bổ sung, thay thế trang thiết bị làm việc theo chủ trương, chương trình/nhiệm vụ/đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Kinh phí thực hiện chính sách cải cách tiền lương;
- Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách cho đối tượng, kinh phí thi đua khen thưởng thuộc thẩm quyền khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Điều 14. Định mức phân bổ cho sự nghiệp y tế khối điều trị và dự phòng

1. Định mức phân bổ chung khối điều trị:

ĐVT: triệu đồng/giường bệnh/năm

Tiêu chí	Định mức phân bổ
1. Cơ sở có giường bệnh điều trị	
Hạng I	118
Hạng II	106
Hạng III	94
2. Phòng khám khu vực	88

2. Định mức phân bổ chi hoạt động theo tiêu chí chỉ tiêu người làm việc hệ y tế dự phòng và các trạm y tế (chưa bao gồm lương, phụ cấp và các khoản đóng góp):

ĐVT: triệu đồng/người/năm

Tiêu chí	Định mức phân bổ
Từ 30 chỉ tiêu người làm việc được giao	62
Từ 31 đến 50 chỉ tiêu người làm việc	58
Từ 51 chỉ tiêu người làm việc trở lên	56

Định mức phân bổ trên chưa bao gồm:

- Kinh phí thực hiện chính sách cải cách tiền lương;
- Kinh phí bảo trì, sửa chữa tài sản, tăng cường cơ sở vật chất theo chủ trương/nhiệm vụ/đề án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
- Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách cho các đối tượng (bảo trợ xã hội, cai nghiện, giáo dục xã hội...) theo quy định hiện hành;
- Kinh phí thực hiện chế độ đặc thù đối với cán bộ, viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Định mức phân bổ chi thường xuyên đối với khối y tế điều trị quy định tại khoản 1 Điều này được điều chỉnh nhân hệ số đặc thù như sau:

- Cơ sở y tế trên địa bàn đặc khu Cô Tô: Hệ số 1,5;
- Các cơ sở y tế trên địa bàn các xã: Ba Chẽ, Bình Liêu: Hệ số 1,3;
- Các cơ sở y tế trên địa bàn các xã: Tiên Yên, Quảng Hà, Đầm Hà và đặc khu Vân Đồn: Hệ số 1,2;
- Các cơ sở y tế còn lại: Hệ số 1,0.

4. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung đối với các trạm y tế:

- Kinh phí xử lý nước thải, rác thải y tế: 10 triệu đồng/trạm y tế/năm đối với trạm y tế có chức năng khám chữa bệnh, đỡ đẻ; 05 triệu đồng/trạm y tế/năm đối với trạm y tế chỉ có chức năng y tế dự phòng;

- Kinh phí duy trì kết nối với hệ thống bảo hiểm y tế: 32 triệu đồng/trạm y tế/năm.

Định mức phân bổ trên, chưa bao gồm: Kinh phí sửa chữa, bổ sung trang thiết bị phục vụ khám, chữa bệnh và y tế dự phòng cho các trạm y tế xã theo chủ trương/nhiệm vụ/đề án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; chi phí khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc cho người dân được miễn phí (mỗi năm 1 lần) được lập sổ sức khỏe điện tử để quản lý sức khỏe theo vòng đời.

Điều 15. Định mức phân bổ cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề

1. Sự nghiệp giáo dục

a) Định mức phân bổ kinh phí hoạt động theo tiêu chí định biên (chưa bao gồm lương, phụ cấp và các khoản đóng góp): 35 triệu đồng/người/năm.

Ngân sách nhà nước bổ sung trong trường hợp dự toán của cơ sở giáo dục theo định mức trên không đảm bảo nguyên tắc tối thiểu tỷ lệ (%) giữa tiền lương và chi hoạt động thường xuyên khác được quy định tại Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và quy định bổ sung (nếu có).

b) Các trường có nhiều cơ sở (điểm trường) được bổ sung thêm cho mỗi điểm trường là 50 triệu đồng/năm.

c) Định mức bố trí dự toán chi sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm, bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho các trường, lớp học thuộc cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh: 100 triệu đồng/điểm trường lẻ và 250 triệu đồng/trường trung tâm.

d) Định mức phân bổ cho một số hoạt động chung (đào tạo bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, kinh phí vận hành trang thiết bị và hạ tầng thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản chi phí khác phục vụ hoạt động chung của nhà trường): được phân bổ bằng 15% kinh phí hoạt động tại mục a, b ở trên.

e) Định mức phân bổ tại mục nêu trên chưa bao gồm:

- Hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn theo chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao;

- Kinh phí sửa chữa, mua sắm tăng cường cơ sở vật chất trường lớp học theo chủ trương/nhiệm vụ/đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ cho học sinh, sinh viên, giáo viên được Trung ương và tỉnh ban hành;

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đặc thù, tổ chức các kỳ thi và không thường xuyên khác của các cơ sở giáo dục được cơ quan có thẩm quyền giao.

2. Sự nghiệp đào tạo - dạy nghề

a) Định mức phân bổ kinh phí hoạt động theo tiêu chí chỉ tiêu người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (chưa bao gồm lương, phụ cấp và các khoản đóng góp):

ĐVT: triệu đồng/người/năm

Tiêu chí	Định mức phân bổ
Trường đại học	27
Trường cao đẳng	25
Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ	27

b) Định mức quy định trên chưa bao gồm:

- Kinh phí sửa chữa, tăng cường cơ sở vật chất trường lớp học theo chủ trương/nhiệm vụ/đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ cho học sinh, sinh viên được Trung ương và Tỉnh ban hành;
- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đặc thù và không thường xuyên khác được cơ quan có thẩm quyền giao.

Điều 16. Định mức chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, chuyển đổi số

Không thấp hơn mức dự toán Trung ương giao; căn cứ vào nhiệm vụ hàng năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh để bố trí mức chi cụ thể.

Điều 17. Định mức chi sự nghiệp môi trường

Căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách tỉnh để bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách tỉnh lĩnh vực môi trường được phê duyệt.

Điều 18. Định mức phân bổ chi sự nghiệp công lập khác (ngoài giáo dục - đào tạo và y tế)

1. Định mức phân bổ chi hoạt động theo tiêu chí chỉ tiêu người làm việc (chưa bao gồm lương, phụ cấp và các khoản đóng góp):

ĐVT: triệu đồng/người/năm

Tiêu chí	Định mức phân bổ
Từ 30 chỉ tiêu người làm việc được giao	62
Từ 31 đến 50 chỉ tiêu người làm việc	58
Từ 51 chỉ tiêu người làm việc trở lên	56

Định mức phân bổ trên chưa bao gồm:

- Kinh phí thực hiện chính sách cải cách tiền lương;
- Kinh phí bảo trì, sửa chữa tài sản, tăng cường cơ sở vật chất theo chủ trương/nhiệm vụ/đề án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Kinh phí thực hiện chế độ đặc thù đối với cán bộ, viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

2. Định mức phân bổ đối với các hoạt động sự nghiệp thực hiện theo định mức kinh tế kỹ thuật của từng loại công việc thì kinh phí phân bổ được xác định trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật, khối lượng công việc và đơn giá do nhà nước quy định.

Điều 19. Định mức chi quốc phòng, an ninh

Căn cứ vào nhiệm vụ an ninh - quốc phòng địa phương hàng năm và khả năng cân đối của ngân sách để bố trí mức chi cụ thể.

Điều 20. Chi thường xuyên khác: Phân bổ bằng 2% tổng dự toán chi thường xuyên các lĩnh vực theo nhiệm vụ chi tại khoản 2 (trừ điểm m) Điều 8 của Nghị quyết này.

Mục 4
ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN
NGÂN SÁCH CẤP XÃ

Điều 21. Định mức phân bổ cho cơ quan quản lý hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể cấp xã.

1. Định mức phân bổ kinh phí hoạt động

a) Phân bổ theo tiêu chí biên chế (chưa bao gồm lương, phụ cấp và các khoản đóng góp):

ĐVT: triệu đồng/người/năm

Tiêu chí	Định mức phân bổ
Cơ quan Đảng, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	132
Các tổ chức chính trị - xã hội	109
Các cơ quan hành chính nhà nước còn lại	85

b) Định mức phân bổ trên chưa bao gồm:

- Kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị làm việc theo chủ trương, chương trình/nhiệm vụ/đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Kinh phí thực hiện chính sách cải cách tiền lương;

- Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách cho công chức, người lao động, kinh phí thi đua khen thưởng thuộc thẩm quyền khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

2. Định mức phân bổ kinh phí hoạt động đối với các chương trình, đề án, nhiệm vụ, chế độ, chính sách: Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và quy định do Trung ương, tỉnh ban hành để bố trí kinh phí thực hiện.

3. Định mức phân bổ chi hoạt động theo các yếu tố đặc thù:

a) Đối với xã, phường có biên giới đất liền được phân bổ thêm 500 triệu đồng/xã, phường để chi cho công tác đối ngoại, giao lưu văn hoá.

b) Đối với xã, phường có biên giới biển được phân bổ thêm: 250 triệu đồng/xã, phường/năm để chi công tác kiểm tra, phòng chống bão và giám sát hoạt động trên biển. Riêng đặc khu Cô Tô: 750 triệu đồng/đặc khu, đặc khu Vân Đồn: 1.250 triệu đồng/đặc khu/năm.

Điều 22. Định mức phân bổ sự nghiệp giáo dục - đào tạo

1. Định mức phân bổ sự nghiệp giáo dục

a) Định mức phân bổ kinh phí hoạt động theo tiêu chí số lượng người làm việc được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định (chưa bao gồm lương, phụ cấp và các khoản đóng góp): 35 triệu đồng/người/năm.

Ngân sách nhà nước bổ sung trong trường hợp dự toán của cơ sở giáo dục theo định mức trên không đảm bảo nguyên tắc tối thiểu tỷ lệ (%) giữa tiền lương và chi hoạt động thường xuyên khác được quy định tại Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và quy định bổ sung (nếu có).

b) Kinh phí phân bổ bổ sung cho các cơ sở giáo dục tiểu học không thu học phí, Trường dân tộc nội trú: 400.000 đồng/học sinh/năm học.

c) Đối với các trường có nhiều điểm (phân hiệu) được bổ thêm cho mỗi điểm trường hoặc phân hiệu (trừ điểm trường chính) là 50 triệu đồng/năm.

d) Kinh phí hoạt động chung (tổ chức lớp bồi dưỡng hè, duy trì phổ cập, xóa mù chữ, bổ sung sách thư viện, kinh phí vận hành trang thiết bị, hạ tầng thông minh và các khoản chi phí khác phục vụ hoạt động chung của nhà trường): Bằng 15% kinh phí hoạt động của các mục nêu trên.

đ) Định mức phân bổ tại mục nêu trên chưa bao gồm:

- Hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn theo chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao;

- Kinh phí sửa chữa, mua sắm tăng cường cơ sở vật chất trường lớp học theo chủ trương/nhiệm vụ/đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ cho học sinh, sinh viên, giáo viên được Trung ương và tỉnh ban hành;

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đặc thù, tổ chức các kỳ thi và không thường xuyên khác của các cơ sở giáo dục được cơ quan có thẩm quyền giao.

2. Chi sự nghiệp đào tạo

a) Định mức phân bổ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng: 190 triệu đồng/xã, phường, đặc khu/năm và được điều chỉnh nhân hệ số đặc thù theo tiêu chí dân số như sau:

- Các xã, phường, đặc khu thuộc nhóm 1: Hệ số 1,6;

- Các xã, phường, đặc khu thuộc nhóm 2: Hệ số 1,3;
- Các xã, phường, đặc khu thuộc nhóm 3: Hệ số 1,0.

c) Định mức phân bổ trên chưa bao gồm:

- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho đối tượng: Được tính xác định trên cơ sở đối tượng được hỗ trợ và mức hỗ trợ theo quy định hiện hành;
- Kinh phí sửa chữa, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Bồi dưỡng chính trị theo chủ trương/đề án/nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 23. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế

1. Định mức phân bổ kinh phí phòng chống dịch: 10.000 đồng/người dân/năm.
2. Định mức phân bổ kinh phí hoạt động dân số và gia đình: 50 triệu đồng/xã, phường, đặc khu/năm.
3. Định mức phân bổ kinh phí hoạt động đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm: 100 triệu đồng/xã, phường, đặc khu/năm.
4. Định mức phân bổ kinh phí tại mục 1, 2, 3 nêu trên được điều chỉnh nhân hệ số đặc thù theo tiêu chí dân số như sau:
 - Các xã, phường, đặc khu thuộc nhóm 1: Hệ số 1,6;
 - Các xã, phường, đặc khu thuộc nhóm 2: Hệ số 1,3;
 - Các xã, phường, đặc khu thuộc nhóm 3: Hệ số 1,0.
5. Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho các đối tượng được phân bổ theo số đối tượng thực tế và mức hỗ trợ quy định, gồm:
 - Chính sách hỗ trợ sinh đẻ đúng chính sách dân số đối với phụ nữ là người dân tộc thuộc hộ nghèo, vùng khó khăn theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27 tháng 4 năm 2015.
 - Kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách;
 - Kinh phí tư vấn, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi: 40.000 đồng/người cao tuổi/năm.

Điều 24. Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, phát thanh

1. Định mức phân bổ: 18.000 đồng/người dân/năm và được điều chỉnh nhân hệ số đặc thù theo tiêu chí dân số như sau:
 - Các xã, phường, đặc khu thuộc nhóm 1: Hệ số 1,6;
 - Các xã, phường, đặc khu thuộc nhóm 2: Hệ số 1,3;
 - Các xã, phường, đặc khu thuộc nhóm 3: Hệ số 1,0.

Định mức trên chưa bao gồm: Kinh phí tổ chức các sự kiện lớn do địa phương tổ chức.

2. Định mức phân bổ sự nghiệp chung theo tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã (bao gồm cả kinh phí duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, bổ sung trang thiết bị): 100 triệu đồng/xã/năm.

Điều 25. Định mức phân bổ chi theo số lượng người làm việc thuộc các đơn vị sự nghiệp công thuộc các lĩnh vực khác (ngoài sự nghiệp giáo dục): 62 triệu đồng/người/năm.

Định mức phân bổ trên chưa bao gồm:

- Kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản, bổ sung, thay thế trang thiết bị làm việc theo chủ trương, chương trình/nhiệm vụ/đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Kinh phí thực hiện chính sách cải cách tiền lương;

- Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động, kinh phí thi đua khen thưởng thuộc thẩm quyền khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Điều 26. Định mức phân bổ chi đảm bảo an ninh, trật tự; phòng cháy, chữa cháy

1. Định mức phân bổ: 7.500 đồng/người dân/năm và được điều chỉnh nhân hệ số đặc thù như sau:

a) Tiêu chí theo quy mô dân số

- Các xã, phường, đặc khu thuộc nhóm 1: Hệ số 1,6;

- Các xã, phường, đặc khu thuộc nhóm 2: Hệ số 1,3;

- Các xã, phường, đặc khu thuộc nhóm 3: Hệ số 1,0.

b) Tiêu chí theo quy mô diện tích tự nhiên

- Các xã, phường, đặc khu thuộc nhóm 1: Hệ số 1,6;

- Các xã, phường, đặc khu thuộc nhóm 2: Hệ số 1,3;

- Các xã, phường, đặc khu thuộc nhóm 3: Hệ số 1,0.

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Đối với các xã, phường biên giới đất liền, xã đảo và đặc khu được bổ sung mức 200 triệu đồng/xã, phường, đặc khu.

3. Định mức phân bổ trên chưa bao gồm:

- Phụ cấp và các khoản chi chế độ của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự tại cơ sở được tính theo thực tế và chế độ, chính sách hiện hành.

- Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng dân phòng tham gia công tác phòng cháy chữa cháy; mua sắm, trang bị công cụ dụng cụ phòng cháy chữa cháy lực lượng dân phòng tại thôn, bản, khu phố.

- Kinh phí thực hiện diễn tập phòng cháy chữa cháy được phân bổ theo dự toán và chế độ hiện hành; hội thi, hội thao phòng cháy chữa cháy do cấp trên tổ chức.

Điều 27. Định mức phân bổ chi quốc phòng

1. Định mức phân bổ: 12.700 đồng/người dân/năm và được điều chỉnh nhân hệ số đặc thù như sau:

a) Tiêu chí theo quy mô dân số

- Các xã, phường, đặc khu thuộc nhóm 1: Hệ số 1,6;
- Các xã, phường, đặc khu thuộc nhóm 2: Hệ số 1,3;
- Các xã, phường, đặc khu thuộc nhóm 3: Hệ số 1,0.

b) Tiêu chí theo quy mô diện tích tự nhiên

- Các xã, phường, đặc khu thuộc nhóm 1: Hệ số 1,6;
- Các xã, phường, đặc khu thuộc nhóm 2: Hệ số 1,3;
- Các xã, phường, đặc khu thuộc nhóm 3: Hệ số 1,0.

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Đối với các xã, phường biên giới đất liền, xã đảo và đặc khu được bổ sung mức 200 triệu đồng/xã, phường, đặc khu.

3. Định mức phân bổ trên chưa bao gồm:

- Phụ cấp và các khoản chi chế độ của thôn, khu đội trưởng được tính theo thực tế và chế độ, chính sách hiện hành;
- Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ theo Luật Dân quân tự vệ: Được tính theo thực tế và chế độ, chính sách hiện hành;
- Kinh phí thực hiện diễn tập phòng thủ dân sự cấp xã, diễn tập chiến đấu được phân bổ theo dự toán và chế độ hiện hành; hội thi, hội thao dân quân do cấp trên tổ chức;
- Phát quang đường, thông tầm nhìn biên giới đất liền;
- Kinh phí duy trì, bảo vệ các căn cứ chiến đấu, phòng thủ; Trung tâm chỉ huy tìm kiếm cứu nạn của địa phương (nếu có);
- Kinh phí duy trì hoạt động của chốt dân quân thường trực, trụ sở của Ban chỉ huy quân sự xã thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã.

Điều 28. Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội

- Chế độ, chính sách cho đối tượng được phân bổ theo số đối tượng thực tế và mức hỗ trợ hiện hành;
- Đảm bảo xã hội khác (trợ cấp đột xuất, kinh phí hội đồng thẩm định, xét duyệt cấp xã, ban chỉ đạo giảm nghèo bền vững, kinh phí quản lý đối tượng, chi trả; thăm hỏi lễ tết, kinh phí các cuộc điều tra hộ nghèo, cận nghèo thường niên và các hoạt động đảm bảo xã hội khác) được phân bổ bằng 15% kinh phí trợ cấp hàng tháng cho đối tượng.

Điều 29. Định mức phân bổ chi hoạt động kinh tế

1. Định mức phân bổ: 250.000 đồng/người dân/năm và được điều chỉnh nhân hệ số đặc thù theo tiêu chí diện tích như sau:

- Các xã, phường, đặc khu thuộc nhóm 1: Hệ số 1,6;

- Các xã, phường, đặc khu thuộc nhóm 2: Hệ số 1,3;
- Các xã, phường, đặc khu thuộc nhóm 3: Hệ số 1,0.

2. Định mức trên đã bao gồm: Kinh phí lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, đánh giá các quy hoạch thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định; kinh phí hoạt động của các đơn vị sự nghiệp kinh tế; nhiệm vụ chi về tài nguyên.

3. Định mức trên chưa bao gồm:

- Kinh phí thực hiện Chính sách bù hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi theo Nghị định của Chính phủ; hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất lúa theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 60/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Kinh phí tổ chức hội chợ thương mại quốc tế; kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh thực hiện các Đề án/dự án/chương trình lĩnh vực kinh tế theo quyết định, Nghị quyết của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 30. Định mức phân bổ sự nghiệp môi trường

1. Định mức phân bổ:

ĐVT: đồng/người dân/năm

Tiêu chí	Định mức phân bổ
Dân số vùng đô thị (các phường và đặc khu)	500.000
Dân số vùng nông thôn (các xã)	170.000

2. Định mức trên chưa bao gồm

- Kinh phí thực hiện xử lý đốt rác thải rắn sinh hoạt theo công nghệ đốt rác thải đã được đầu tư tại các địa phương, cơ sở;

- Kinh phí quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đã được đầu tư tại các địa phương, cơ sở.

Điều 31. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số: 300 triệu đồng/xã, phường, đặc khu/năm và được điều chỉnh nhân hệ số đặc thù theo tiêu chí dân số như sau:

- Các xã, phường, đặc khu thuộc nhóm 1: Hệ số 1,6;
- Các xã, phường, đặc khu thuộc nhóm 2: Hệ số 1,3;
- Các xã, phường, đặc khu thuộc nhóm 3: Hệ số 1,0.

Điều 32. Định mức phân bổ chi khác ngân sách cấp xã: bằng 2% tổng dự toán chi thường xuyên các lĩnh vực theo nhiệm vụ chi tại khoản 2 (trừ điểm 1) Điều 9 của Nghị quyết này.

Điều 33. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, dự toán chi thường xuyên của các xã, phường, đặc khu sau sắp xếp theo định mức phân bổ các lĩnh vực nêu trên không thấp hơn dự toán năm 2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao của cấp huyện, cấp xã tại Nghị quyết số 241/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024.

Chương IV

MỘT SỐ QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 34. Các khoản thu dành chi đầu tư phát triển

1. Tiền sử dụng đất: Ủy ban nhân dân các cấp chủ động bố trí đủ kinh phí cho công tác quản lý đất đai theo nhu cầu thực tế phát sinh; phần còn lại được dành chi đầu tư phát triển.

2. Tiền thuê đất nộp một lần cho cả thời gian thuê: Sau khi đảm bảo cân đối chi thường xuyên được dành chi đầu tư phát triển.

3. Phí thăm quan Vịnh Hạ Long; phí tham quan danh thắng Yên Tử.

4. Phí bảo vệ môi trường từ khai thác than sau khi cân đối chi sự nghiệp môi trường được dành chi đầu tư phát triển.

Điều 35. Đối với các hợp đồng Nghị định số 111/2022/NĐ-CP tại cơ quan hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể, hội, đơn vị sự nghiệp công (do ngân sách nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên) và hợp đồng công việc tại trung tâm hành chính công các cấp theo chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Được ngân sách nhà nước đảm bảo tiền công, tiền lương, các khoản phụ cấp, đóng góp theo quy định và được phân bổ định mức chi thường xuyên bằng 70% định mức chi thường xuyên của cán bộ, công chức, người làm việc cùng cơ quan sử dụng hợp đồng lao động thực hiện theo quy định của Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ. Đối với các trường hợp còn lại, thực hiện theo quy định hiện hành.

Ngân sách nhà nước đảm bảo các chế độ phụ cấp theo quy định và kinh phí hoạt động bằng định mức chi theo biên chế được giao đối với số định biên cụ thể chiến binh đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp người có công với cách mạng hàng tháng đang công tác tại các cơ quan Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh, cấp xã.

Điều 36. Cơ chế thưởng vượt thu từ các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách địa phương:

1. Nguyên tắc xét thưởng:

a) Tổng thu ngân sách trên địa bàn, ngân sách cấp tỉnh được hưởng tăng so với dự toán Hội đồng nhân dân giao (không bao gồm số ghi thu, ghi chi).

b) Tỷ lệ thưởng không vượt quá 30% của số tăng thu phần ngân sách cấp tỉnh được hưởng từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã. Mức thưởng cho từng địa phương không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện năm trước liền kề của các khoản thu này.

c) Căn cứ xét thưởng là tổng các khoản thu phân chia giữa ngân sách tỉnh và ngân sách cấp xã; chỉ xét thưởng đối với các khoản thu cấp tỉnh giao cho cấp xã thực hiện thu; không xét riêng từng khoản thu.

2. Điều kiện để được xét thưởng:

a) Địa phương cấp xã được xét thưởng phải hoàn thành tổng số dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn được Tỉnh giao thực hiện thu (không bao gồm số ghi thu, ghi chi).

b) Thu ngân sách của cấp tỉnh từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách tỉnh và ngân sách cấp xã tăng so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (không bao gồm số ghi thu, ghi chi).

Điều 37. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 10 năm 2025.

2. Thay thế các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết số 303/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020, Nghị quyết số 66/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021, Nghị quyết số 46/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2021, Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2023.

Điều 38. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết;

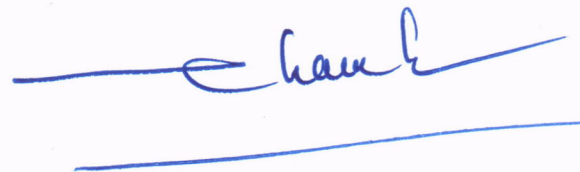
2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIV, Kỳ họp thứ 32 thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2025. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Các bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ8. /

CHỦ TỊCH



Trịnh Thị Minh Thanh

TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 74/2025/NQ-HĐND ngày 17/10/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ninh)

STT		52 xã, phường			Đặc khu Vân Đồn			Đặc khu Cô Tô		
		NSDP được hưởng (%)	Trong đó		NSDP được hưởng (%)	Trong đó		NSDP được hưởng (%)	Trong đó	
			Cấp tỉnh	Cấp xã		Cấp tỉnh	Cấp xã		Cấp tỉnh	Cấp xã
1	Thu từ DNNN trung ương									
a	Thuế giá trị gia tăng (trừ thu từ hoạt động thăm khai thác, thăm dò dầu khí; thu từ hàng hóa nhập khẩu)	51	51	0	51	0	51	51	0	51
b	Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí)	51	51	0	51	0	51	51	0	51
c	Thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ thu từ hàng hóa nhập khẩu)	51	51	0	51	0	51	51	0	51
d	Thuế tài nguyên (trừ thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí)	100	100	0	100	0	100	100	0	100
2	Thu từ DNNN địa phương (trừ Công ty TNHH 1TV xổ số)									
a	Thuế giá trị gia tăng (trừ thuế GTGT thu từ hoạt động thăm khai thác, thăm dò dầu khí; thu từ hàng hóa nhập khẩu)	51	51	0	51	0	51	51	0	51
b	Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí)	51	51	0	51	0	51	51	0	51
c	Thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu)	51	51	0	51	0	51	51	0	51
d	Thuế tài nguyên	100	100	0	100	0	100	100	0	100
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài									
a	Thuế giá trị gia tăng (trừ thu từ hoạt động thăm khai thác dầu khí; thu từ hàng hóa nhập khẩu)	51	51	0	51	0	51	51	0	51
b	Thuế Thu nhập doanh nghiệp (trừ thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí)	51	51	0	51	0	51	51	0	51
c	Thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ thu từ hàng hóa nhập khẩu)	51	51	0	51	0	51	51	0	51
d	Thuế Tài nguyên (trừ thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí)	100	100	0	100	0	100	100	0	100
4	Thu từ lĩnh vực ngoài quốc doanh									
a	Thuế giá trị gia tăng (trừ thu từ thu từ hàng hóa nhập khẩu)									
	+ Thu từ hộ gia đình, cá nhân	51	0	51	51	0	51	51	0	51
	+ Thu từ các trường hợp còn lại	51	51	0	51	0	51	51	0	51
b	Thuế thu nhập doanh nghiệp	51	51	0	51	0	51	51	0	51
c	Thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ thu từ thu từ hàng hóa nhập khẩu)									
	+ Thu từ hộ gia đình, cá nhân	51	0	51	51	0	51	51	0	51
	+ Thu từ các trường hợp còn lại	51	51	0	51	0	51	51	0	51
d	Thuế Tài nguyên	100	100	0	100	0	100	100	0	100
5	Thuế thu nhập cá nhân									
a	Thu từ hoạt động xây dựng vãng lai, chuyển nhượng đất đai, cho thuê tài sản, quà tặng, thừa kế, hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	51	0	51	51	0	51	51	0	51
b	Thuế thu nhập cá nhân (còn lại)	51	51	0	51	0	51	51	0	51
6	Thuế bảo vệ môi trường (trừ thuế BVMT thu từ hàng nhập khẩu)	51	51	0	51	51	0	51	51	0
7	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	100	0	100	100	0	100	100	0	100
8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100	0	100	100	0	100	100	0	100
9	Tiền sử dụng đất									
a	Tiền sử dụng đất các dự án đầu tư do cấp tỉnh phê duyệt giá cụ thể và giao đất	100	100	0	100	50	50	100	0	100
b	Tiền sử dụng đất các dự án tái định cư	100	50	50	100	0	100	100	0	100
c	Tiền sử dụng đất còn lại	100	0	100	100	0	100	100	0	100
10	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước (trừ tiền cho thuê MĐMN thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí)									
a	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước hàng năm	100	0	100	100	0	100	100	0	100
b	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu một lần cho cả thời gian thuê	100	100	0	100	50	50	100	0	100
11	Thu cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, vùng trời, vùng biển									
a	Đối với giấy phép do cơ quan trung ương cấp phép	30	30	0	30	0	30	30	0	30
b	Đối với giấy phép do cơ quan địa phương cấp phép	100	0	100	100	0	100	100	0	100
12	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (không bao gồm thuế thu nhập cá nhân thu của người trúng giải thưởng)	100	100	0	100	100	0	100	100	0
13	Lệ phí trước bạ	100	0	100	100	0	100	100	0	100
14	Thu phí và lệ phí (trừ lệ phí trước bạ)									
a	Phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản	100	100	0	100	0	100	100	0	100
b	Phí nước thải thu qua Công ty CP nước sạch Quảng Ninh	100	0	100	100	0	100	100	0	100
c	Lệ phí môn bài	100	0	100	100	0	100	100	0	100

(Chữ ký)

STT	Nội dung	52 xã, phường			Đặc khu Vân Đồn			Đặc khu Cô Tô		
		NSDP được hưởng (%)	Trong đó		NSDP được hưởng (%)	Trong đó		NSDP được hưởng (%)	Trong đó	
			Cấp tỉnh	Cấp xã		Cấp tỉnh	Cấp xã		Cấp tỉnh	Cấp xã
d	Phí, lệ phí còn lại:									
	+ Do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thu, nộp (chương cấp tỉnh)	100	100	0	100	100	0	100	100	0
	+ Do các cơ quan, đơn vị cấp xã thu, nộp (chương cấp xã)	100	0	100	100	0	100	100	0	100
15	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu									
a	Do cơ quan/đơn vị cấp tỉnh thu, nộp (chương cấp tỉnh)	100	100	0	100	100	0	100	100	0
b	Do cơ quan/đơn vị cấp xã thu, nộp (chương cấp xã)	100	0	100	100	0	100	100	0	100
16	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu	100%	100	0	100	100	0	100	100	0
17	Thu tiền bán, cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước; Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác									
a	Do các cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý (chương thuộc cấp tỉnh)	100	100	0	100	100	0	100	100	0
b	Do các cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã quản lý (chương thuộc cấp xã)	100	0	100	100	0	100	100	0	100
18	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức									
a	Do các cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý (chương cấp tỉnh)	100	100	0	100	100	0	100	100	0
b	Do các cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã quản lý (chương cấp xã)	100	0	100	100	0	100	100	0	100
19	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức và cá nhân nước ngoài trực tiếp cho địa phương									
a	Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho ngân sách cấp tỉnh (chương cấp tỉnh)	100	100	0	100	100	0	100	100	0
b	Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho ngân sách cấp xã (chương cấp xã)	100	0	100	100	0	100	100	0	100
20	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	100	0	100	100	0	100	100	0	100
21	Thu huy động đóng góp từ các tổ chức cá nhân theo quy định của pháp luật									
a	Cho ngân sách cấp tỉnh (chương cấp tỉnh)	100	100	0	100	100	0	100	100	0
b	Cho ngân sách cấp xã (chương cấp xã)	100	0	100	100	0	100	100	0	100
22	Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật									
a	Do đơn vị cấp tỉnh thu (chương cấp tỉnh)	100	100	0	100	100	0	100	100	0
b	Do đơn vị cấp xã thu (chương cấp xã)	100	0	100	100	0	100	100	0	100
23	Thu tiền chậm nộp									
a	Thu tiền chậm nộp đối với: các khoản thu (đã được quy định tiêu mục nộp chậm theo MLNS), tiền sử dụng đất và thuế đất	Thực hiện tỷ lệ % điều tiết tương ứng quy định cho mục đó			Thực hiện tỷ lệ % điều tiết tương ứng quy định cho mục đó			Thực hiện tỷ lệ % điều tiết tương ứng quy định cho mục đó		
b	Thu tiền chậm nộp các khoản thu còn lại	100	100	0	100	100	0	100	100	0

Handwritten signature